

Tân Lộc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

Công khai Điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

Căn cứ theo Điều 8 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường THCS Trảng Cát báo cáo công khai về Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông của nhà trường như sau:

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Cán bộ quản lý: 03;
- Giáo viên: 78;
- Nhân viên: 02.

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Giáo viên cấp THCS

TT	Môn	Số lượng									Ghi chú
		Tổng số	Đảng viên	Nữ	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn				
							Trên ĐH	ĐH	CĐ	Khác	
1	Toán	6	6	4	6			6			
2	Ngữ văn	6	2	5	6			6			
3	Tiếng Anh	3	1	2	3			3			
4	Vật lý	1	1		1			1			
5	Hóa học	1	0	1	1			1			
6	Sinh học	4	2	2	4			4			
7	Lịch sử	2	1	1	2			2			
8	Địa lý	1	1		1			1			
9	GDCD	1	1		1			1			
10	Thể dục	1	1		1			1			
11	Công nghệ	1	1		1			1			
12	Âm nhạc	1	1		1			1			
13	Mĩ thuật	1	1		1			1			

14	TPT Đội	1	1		1			1			
Tổng		30	20	14	30	0	0	30			

Giáo viên cấp THPT

TT	Môn	Số lượng									Ghi chú
		Tổng số	Đảng viên	Nữ	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn				
							Trên ĐH	ĐH	CĐ	Khác	
1	Toán	5	3	2	5		2	3			
2	Ngữ văn	6	4	5	6		1	5			
3	Tiếng Anh	4	2	4	4			4			
4	Vật lý	6	4	3	6		1	5			
5	Hóa học	4	3	2	4			4			
6	Sinh học	5	4	4	5			5			
7	Lịch sử	2	1	1	2		1	1			
8	Địa lý	2	1	1	2			2			
9	GDCD	1	1	1	1			1			
10	GDTC	2	1		2			2			
11	GDQP-AN	0									
12	Công nghệ	1	1		1			1			
13	Tin học	3	2	1	3			3			
Tổng		48	27	21	38		5	36			

- Cán bộ quản lý, nhân viên

TT	Bộ phận	Số lượng								
		Tổng số	Đảng viên	Nữ	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ			
							Trên ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	BGH	3	3	0	3	0	1	2	0	0
2	Kế toán	1	1	1	1	0	0	1	0	0
3	Bảo vệ	2	0	0	0	2	0	0	0	2
4	Phục vụ	2	0	1	0	2	0	0	0	2
Tổng		8	4	2	4	4	1	3	0	4

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

- Cán bộ quản lý 02, đạt chuẩn và trên chuẩn 100%;
- Giáo viên 78, đạt chuẩn 100%; 05 giáo viên đạt trên chuẩn 6,74%.

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định;

- Cán bộ quản lý 03, đạt bồi dưỡng 100%;
- Giáo viên 78, đạt bồi dưỡng 100%

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích khu đất xây dựng trường: 12.078 m²
- Điểm trường 01;
- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh 4,9 m²;

Nhà trường hiện không đủ diện tích chung, không có bãi tập riêng theo quy định

b. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Nội dung	Số phòng	Ghi chú
1	Phòng học	40	
2	Phòng vi tính	03	
3	Phòng thiết bị	01	
4	Phòng thư viện	01	
5	Phòng bộ môn Tiếng Anh	02	
6	Phòng bộ môn Vật lý	01	
7	Phòng bộ môn Hóa – Sinh	02	
8	Phòng bộ môn Công nghệ	0	
9	Phòng bộ môn Âm nhạc	0	
10	Phòng bộ môn Mỹ thuật	01	
11	Phòng Ban giám hiệu	03	
12	Phòng hội trường	01	
13	Phòng Y tế	01	
14	Phòng Đoàn Đội	01	
15	Phòng Tổ chuyên môn	05	
16	Phòng công đoàn	0	
17	Phòng bảo vệ	01	
18	Nhà đa năng	0	
19	Sân thể thao	01	
20	Tổng diện tích đất	12.078 m ²	
21	Nhà xe giáo viên và học sinh	01	
22	Số máy vi tính	120	
23	Số máy vi tính dùng cho cán bộ quản lý và nhân viên	10	
24	Ti vi dùng cho học tập và quản lý	36	
25	Camera	40	

- Nhà trường hiện còn thiếu một số phòng học bộ môn; Các phòng học, phòng học bộ môn thuộc dãy cấp THCS quá chật hẹp (*từ 45-48m²*), không đủ diện tích theo quy định; Thư viện chưa có phòng đọc cho giáo viên và học sinh riêng, chưa có kho riêng.

- Một số thiết bị dạy học phục vụ công tác dạy và học của nhà trường còn thiếu (*do chưa có*) hoặc đã xuống cấp, không đảm bảo độ chính xác (*do sử dụng lại thiết bị cũ*);

c. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hiện tại, trường có 06 máy tính cho bộ phận hành chính, 120 máy tính học sinh. Tất cả máy tính được kết nối Internet đảm bảo nhu cầu phục vụ công tác quản lý và phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập. Nhà trường có các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Mỗi giáo viên có một bộ thiết bị cần thiết trong quá trình giảng dạy, một bộ sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn giảng dạy và các tài liệu cần thiết khác. Mỗi học sinh có ít nhất một bộ sách giáo khoa, các đồ dùng học tập.

d. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TT	Môn	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Khối 10	Khối 11	Khối 12
1	Toán	CTST	CTST	CTST	CTST	KNTT	KNTT	KNTT
2	Ngữ văn	CTST	CTST	CTST	CTST	KNTT	KNTT	KNTT
3	Tiếng Anh	CTST	CTST	CTST	CTST	KNTT	KNTT	KNTT
4	Tin học	CTST	CTST	CTST	CTST	KNTT	KNTT	KNTT
5	Công nghệ	CTST	CTST	CTST	CTST	KNTT	KNTT	KNTT
6	GDTC	CTST	CTST	CTST	CTST	KNTT	KNTT	KNTT
7	HĐTN	CTST	CTST	CTST	CTST	KNTT	KNTT	KNTT
8	KHTN	CTST	CTST	CTST	CTST			
9	LS-ĐL	CTST	CTST	CTST	CTST			
10	Nghệ thuật (Âm nhạc)	CTST	CTST	CTST	CTST			
11	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	CTST	CTST	CTST	CTST			
12	Vật lý					KNTT	KNTT	KNTT
13	Hóa học					KNTT	KNTT	KNTT
14	Sinh học					KNTT	KNTT	KNTT

TT	Môn	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Khối 10	Khối 11	Khối 12
15	Lịch sử					KNTT	KNTT	KNTT
16	Địa lí					KNTT	KNTT	KNTT

Sách giáo khoa, sách tham khảo, các loại báo, tạp chí đủ phục vụ cho hoạt động dạy và học. Tính đến hết năm học 2024-2025, số sách giáo khoa tại thư viện trường có 1600 quyển; sách nghiệp vụ có 102 quyển, sách tham khảo về giảng dạy có 2754 quyển.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

* Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục

STT	Tiêu chuẩn	Tổng số tiêu chí	Kết quả				Đánh giá
			Số tiêu chí đạt mức 1	Số tiêu chí đạt mức 2	Số tiêu chí đạt mức 3	Số tiêu chí không đạt	

Không còn đạt đủ các tiêu chí trường chuẩn Quốc Gia (*ở tiêu chuẩn 3. Cơ sở vật chất và thiết bị; các tiêu chí về Khuôn viên, bãi tập; Phòng học, phòng học bộ môn và khối phòng phục vụ học tập*)

* Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền và tăng cường nâng cao nhận thức cho cán bộ giáo viên nhân viên về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công thực hiện biện pháp cải tiến chất lượng giáo dục. Tổ chức quán triệt và triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT Phòng GD&ĐT về công tác KĐCLGD tới toàn thể cán bộ giáo viên nhân viên trong trường.

- Chuẩn bị tốt các điều kiện để tiếp tục tiến hành thực hiện biện pháp cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá ngoài.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát các tổ chuyên môn các đoàn thể cán bộ giáo viên trong việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng đã được xây dựng trong báo cáo đánh giá.

- Làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy chính quyền địa phương để có những giải pháp Hiệu quả trong việc chỉ đạo thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng giáo dục.

- Căn cứ các văn bản pháp quy hiện hành các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT Phòng GD&ĐT và tình hình thực tế xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá ngoài đảm bảo yêu cầu khoa học thực tiễn và có tính khả thi cao.

- Rà soát từng tiêu chí về việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng nhất là các tiêu chí còn điểm yếu. Tìm nguyên nhân các biện pháp chưa thực hiện cải tiến xây dựng kế hoạch để cải tiến trong năm học.

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Trường đã tự kiểm tra đánh giá Đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a. Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp; (không thực hiện).

b. Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục; (không thực hiện)

c. Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Anh

Trên đây là báo cáo công khai Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông theo Điều 8 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của trường THCS và THPT Tân Lộc năm học 2024-2025.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Cà Mau (thay báo cáo);
- Lãnh đạo nhà trường;
- Các tổ chức trong nhà trường;
- Website;
- Lưu VT;

**HIỆU TRƯỞNG
KT.HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Hữu Thiện